

Số: 08/QĐ-TTYT

Ia Pa, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN IA PA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 699/QĐ-SYT, ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Sở Y tế Gia Lai về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2023 – 2025 (đợt 01);

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-SYT, ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Sở Y tế Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024;

Theo đề xuất của Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Thu, chi Ngân sách năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Ia Pa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch -Tài chính; Các khoa, phòng và Trạm Y tế các xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Các khoa, phòng, Trạm Y tế;
- Đăng Website TTYT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

BSCKI Huỳnh Ngọc Thiên

Đơn vị: Trung tâm y tế Ia Pa

Chương: 423

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 08/QĐ-TTĐT ngày 05/01/2024 của trung tâm y tế Ia Pa

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	-
1.1	Lệ phí	-
	Viện phí	
	Bảo hiểm Y tế	
	Khác	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp Y tế.	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	20.867
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	20.867
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.446
1.1.1	Bệnh viện	4.291
1.1.2	Hệ dự phòng	2.341
1.1.3	Y tế xã	7.388
1.1.4	Dân số	1.426
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.421
1.2.1	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất	361
1.2.2	Kinh phí ND 76/2019/ND-CP	4.797
-	Bệnh viện	2.808
-	Hệ dự phòng	619
-	Y tế xã	1.095
-	Dân số	275
1.2.3	Cộng tác viên dân số	249
1.2.4	Hỗ trợ sinh con đúng chính sách	14
1.3	Kinh phí nhiệm vụ CCTL	-
1.3.1	Hệ điều trị	
1.3.2	Hệ dự phòng	
1.3.3	Y tế xã	
1.3.4	Dân số	